TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST
Ngày 29-6-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Mạnh

Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Vũ Ngọc D, sinh năm: 1984, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Vũ Đình D, sinh năm 1955; con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1955; có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1987 và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

2. Trần Văn L, sinh năm: 1990, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Văn M, sinh năm 1959; con bà: Dương Thị Q, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-

2021 đến ngày 09-02-2021 chuyển áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

3. Trần Đình H, sinh năm: 1983, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Đình H – đã chết; con bà: Trần Thị T, sinh năm 1963; Vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1990 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30-9-2004 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản"; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 09-02-2021 chuyển áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

4. Vũ Xuân L, sinh năm: 1979, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; con ông: Vũ Xuân C, sinh năm 1952; con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1955; Vợ là Đỗ Thị M, sinh năm 1983 và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27-01-2021 đến ngày 01-02-2021 chuyển biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

5. Đỗ Trung K, sinh năm: 1993, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1965; con bà: Vũ Thị V, sinh năm 1972; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 09-02-2021 chuyển áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

6. Đỗ Tiến Đ, sinh năm: 1995, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1961; con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 09-02-2021 chuyển áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

7. Trần Văn H, sinh năm: 1993, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn D, sinh năm 1970; con bà: Trần Thị K, sinh năm 1972; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 05-02-2021 chuyển biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; "Có mặt".

Người tham gia tố tụng khác:

** Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Đ T; sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định "Vắng mặt".

** Người chứng kiến:* Anh Đỗ Mạnh T; sinh năm 1986 "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 26-01-2021, Trần Văn L, Đỗ Trung K, Vũ Xuân L, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ, Trần Đình H, Vũ Ngọc D ngồi uống nước tại thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định và có rủ nhau xuống nhà nghỉ Xuân Mạnh ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định thuê phòng để đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, D, L, L, H, Đ đi đến nhà nghỉ Xuân Mạnh trước. Khi đến nơi thì D đã vào phòng ngủ của anh Đỗ Đ T (là chủ nhà nghỉ Xuân Mạnh và là em họ của D) hỏi thuê mượn phòng để ngủ do D cãi nhau với vợ. T đồng ý, bảo D lên phòng 301 tầng ba ngủ, rồi T ngủ tiếp. D, Đ, L, H, L lần lượt lên phòng 301, lấy chiếu có sẵn trong phòng nghỉ để trải xuống nền nhà và sử dụng bộ tú lơ khơ 52 cây do L đã mua trên đường đi đến nhà nghỉ để đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền. Đến khoảng 02 giờ, ngày 27-01-2021 thì H và K cũng đến phòng nghỉ và tham gia đánh bạc cùng với 05 đối tượng trên .

Hình thức đánh bạc: Đánh liêng, các đối tượng cùng thỏa thuận mức đặt cửa mỗi ván (tiền gà) là 50.000đ.

Cách thức chơi: Dùng bộ bài tú lơ khơ 52 cây chia cho mỗi người ba cây. Có bốn hình thức tính thắng thua, đầu tiên là tính nước trong trường hợp ba cây tú lơ khơ là ba cây bất kỳ trong 52 cây, trong đó cây 10, J, Q, K đều tính là 0 nước, cao nhất là 9 nước, thấp nhất là 0 nước, cộng 3 cây bài được chia vào với nhau lấy số cuối của tổng số 3 cây bài tính làm nước. Thứ hai là trường hợp ba cây bài có thứ tự liên tiếp nhau cao nhất là QKA, thấp nhất là 123(gọi là liêng). Thứ ba là tranh ảnh là trường hợp ba cây bài được chia mà các cây bài lần lượt đều là J, Q hoặc K (ví dụ JJQ, JQQ, QQK). Thứ tư là sáp là cả ba cây bài được chia là giống nhau như AAA, 333 to nhất là AAA, thấp nhất là 222. Trong đó cao nhất là sáp, thứ hai là liêng, thứ ba là tranh ảnh, thứ tư là cộng điểm. Mức tố thấp nhất là 50.000 đồng, ai không chơi nữa thì úp bài, ai tố tiếp thì đặt thêm tiền, có thể tố nhiều lần, mức tố cao nhất không quy định. Người thắng là người có số điểm cao nhất hoặc là khi các người chơi khác đã úp hết bài xuống, ai cũng có thể tham gia tố dù cho họ có bài nước cao hay không có nước.

Đến khoảng 04 giờ cùng ngày thì H không tham gia đánh bạc nữa, sau đó do thua hết tiền nên Đ cũng không tham gia đánh bạc nữa nhưng cả hai vẫn ở trong phòng nghỉ 301; còn D, L, L, K, H vẫn tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27-01-2021, khi các đối tượng đánh bạc vẫn đang sát phạt nhau thì bị

Công an huyện V phát hiện và bắt quả tang. Quá trình bắt giữ thì D, H, L đã bỏ chạy, tuy nhiên chỉ có L chạy thoát.

Vật chứng bị thu giữ gồm: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi tư nghìn đồng), 01 bộ bài lơ khơ 52 cây, 01 chiếu nhựa KT (2x1,8)m. Ngoài ra còn thu giữ của Đỗ Tiến Đ 01 ví da màu đen, của Vũ Ngọc D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A11 màu xanh, của Trần Văn H 01 ví da màu nâu và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng. Vũ Xuân L tự nguyện giao nộp 5.500.000 đồng.

Số tiền các đối tượng khai nhận mang theo và dùng vào việc đánh bạc như sau:

+ Vũ Ngọc D khai nhận mang theo số tiền khoảng 700.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt D đã thua hết số tiền trên.

+ Trần Văn L khai nhận mang theo khoảng 800.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thua hết số tiền trên nên có vay của H 2.000.000đ để đánh bạc tiếp. Lúc bị bắt thì L đang thua, còn lại khoảng 800.000 đồng và bị thu trên chiếu bạc.

+ Trần Đình H khai nhận mang theo số tiền khoảng 1.850.000đ để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng nên có cho L vay số tiền 1.000.000đ, L vay 2.000.000đ để đánh bạc. Lúc bỏ chạy thì H còn lại khoảng gần 1.000.000 đồng bỏ vào túi áo trước ngực và bị rơi ở đâu không rõ.

+ Vũ Xuân L khai nhận mang theo số tiền khoảng 2.000.000đ để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng nên có cho Đ vay số tiền 2.000.000đ, cho K vay 2.000.000đ (trong đó có 1.000.000đ L vay của H cho K) để đánh bạc; được H trả nợ 5.000.000đ (vay từ trước khi đánh bạc). Lúc bỏ chạy thì L đang thua 1.500.000đ, còn số tiền 500.000đ và số tiền 5.000.000đ H trả L cầm theo và chạy thoát.

+ Đỗ Trung K khai nhận trước khi tham gia đánh bạc không có tiền nên có vay của H 1.000.000đ, sau đó thua hết nên vay H tiếp 1.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua hết số tiền trên nên có vay của L số tiền 2.000.000đ để đánh bạc tiếp. Lúc bị bắt đang thua, còn khoảng 200.000đ và bị thu trên chiếu bạc.

+ Đỗ Tiến Đ khai nhận mang theo số tiền khoảng 600.000đ để đánh bạc, quá trình đánh bạc thua hết số tiền trên nên có vay của L 2.000.000đ, của H 1.000.000đ để đánh bạc tiếp. Sau đó Đ thua hết số tiền đã vay nên không tham gia đánh bạc nữa.

+ Trần Văn H khai nhận khi đi mang theo số tiền khoảng 5.000.000đ, bỏ ra 2.000.000đ để đánh bạc, cho K vay 1.000.000đ trước khi đánh bạc, còn lại 2.000.000 đồng H cất đi không dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc H thắng nên

có trả cho L số tiền 5.000.000đ (H vay từ mấy hôm trước), và cho K vay tiếp 1.000.000đ để K đánh bạc. Sau khi thua hết số tiền bỏ ra ban đầu thì H không tham gia đánh bạc nữa.

Như vậy số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc bị bắt quả tang như sau:

- Số tiền thu trên chiếu là 8.550.000đ trong đó có 2.000.000đ khi bị bắt H bỏ từ trong người ra chiếu bạc, số tiền này H không sử dụng vào việc đánh bạc, còn lại số tiền 6.550.000 đồng là số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc.

- Số tiền Vũ Xuân L tự nguyện giao nộp 5.500.000 đồng gồm 5.000.000 đồng do H thắng bạc trả cho L; 500.000 đồng L dùng vào việc đánh bạc.

- Trong quá trình đánh bạc L, K, Đ đã vay của H, H, L tổng số tiền là 8.000.000đ để đánh bạc, số tiền mà H, H L cho L, K, Đ vay là tiền thắng bạc mà có.

Tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 20.050.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định một số đồ vật đã thu giữ không có liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu như sau: Trả lại Trần Văn H 01 ví da màu nâu và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng; Vũ Ngọc D 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Sam sung A11 màu xanh cũ đã qua sử dụng; Đỗ Tiến Đ 01 ví da màu đen đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ, Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSVB ngày 04-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ, Trần Văn H về tội *"Đánh Bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ, Trần Văn H đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền của mình dưới hình thức đánh liêng như nội dung nêu trên và xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ, Trần Văn H về hành vi "Đánh bạc" như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Vũ Ngọc D và Trần Văn L từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình H từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị phạt bị cáo Đỗ Tiến Đ từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo D, L, H, L, K, H do các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Về việc khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo L, H, H, K đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 20.050.000đ (Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) gồm: Số tiền thu trên chiếu bạc dùng vào việc đánh bạc là 6.550.000 đồng; số tiền L giao nộp là 5.500.000 đồng; Số tiền truy thu từ L, K, Đ vay của L, H, H là 8.000.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Trần Văn H là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), xác định số tiền này bị cáo H không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu nhựa KT (2x1,8)m.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo pH nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên; của

Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ trong vụ án; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 06 giờ 30 phút,ngày 27-01-2021, tại phòng 301 nhà nghỉ Xuân Mạnh do anh Đỗ Đ T làm chủ thuộc thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, Công an huyện V phát hiện và bắt quả tang các đối tượng Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ, Trần Văn H đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng, thu giữ trên chiếu bạc 8.550.000đ (trong đó có 2.000.000đ thu trong người H, số tiền này H không dùng vào việc đánh bạc); L giao nộp 5.500.000 đồng (Trong đó 5.000.000đ là tiền H thắng bạc trả nợ cho L), tổng số tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 20.050.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối chiếu hành vi mà các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ đã thực hiện nêu trên với những quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định truy tố hành vi của các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ, về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và sự đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam tư L nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy buộc các bị cáo pH chịu trách nhiệm về mặt hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Trong vụ án này tất cả các bị cáo đều phạm tội với lỗi cố ý, cùng rủ nhau đánh bạc, không có sự phân công vị trí, vai trò do đó đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ tiếp thu ý chí của nhau, cùng đánh bạc. Bị cáo Vũ Ngọc D là người đã thuê mượn phòng nghỉ và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt; Trần Văn L là người đã chuẩn bị bộ tú lơ khơ và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt nên cùng giữ vai trò thứ nhất; các bị cáo còn lại là Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ là người trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong vụ án đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải do đó tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Đỗ Tiến Đ có ông nội là liệt sỹ trong kháng chiến chống Pháp do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Văn H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ có nhân thân tốt; ngày 30-9-2004 bị cáo Trần Đình H bị TAND huyện V xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

[8] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L xếp vị trí thứ nhất trong vụ án, tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự và các Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao để cho bị cáo D, L được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Đình H xếp vị trí thứ 2 trong vụ án. Mặc dù bị cáo có nhân thân không tốt, tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó, áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo H hình phạt cải tạo không giam giữ là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các bị cáo Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H xếp vị trí thứ 2 trong vụ án, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó, áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo L, K, H hình phạt cải tạo không giam giữ là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Tiến Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ sẽ áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo .

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương do đó miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định do đó Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với Số tiền 8.550.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc: Trong đó có 2.000.000 đồng của Trần Văn H không dùng và việc đánh bạc nên trả lại cho H; số tiền còn lại là 6.550.000 đồng xác định là số tiền các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 5.500.000 đồng L giao nộp: Xác định đây là số tiền dùng để đánh bạc và số tiền đánh bạc mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu số tiền các bị cáo Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ và Trần Văn L đã vay của các đối tượng thắng bạc để dùng vào việc đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: Bị cáo Đỗ Trung K 3.000.000 đồng; bị cáo Đỗ Tiến Đ 3.000.000 đồng ; bị cáo Trần Văn L 2.000.000 đồng .

- Các vật chứng khác: 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu trúc kích thước (2 x 1,8) m các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là tài sản không có giá trị, anh T không có nguyện vọng lấy lại chiếc chiếu do đó cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với các vật chứng, quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định không có liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho chủ sở hữu gồm: Trả lại Trần Văn H 01 ví da màu nâu và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng; Vũ Ngọc D 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Sam sung A11 màu xanh cũ đã qua sử dụng; Đỗ Tiến Đ 01 ví da màu đen đã qua sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Đối với anh Đỗ Đ Thành là chủ nhà nghỉ Xuân Mạnh: Anh T đã cho D thuê mượn phòng 301 nhưng anh T không biết các đối tượng trên đã dùng phòng 301 làm nơi đánh bạc vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý đối với T là có căn cứ.

[12] Đối với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) Trần Văn H cho Đỗ Trung K vay trước khi đánh bạc: Đây là quan hệ vay mượn trong dân sự, các đối tượng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sư đối với bị cáo Đỗ Tiến Đ.

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H, Đỗ Tiến Đ phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc D 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 09-02-2021).

Giao bị cáo Vũ Ngọc D và Trần Văn L cho Uỷ ban nhân dân xã Tam Thanh, huyện V, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo D, L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 09-02-2021 là 14 ngày, được quy đổi thành 42 (Bốn mươi hai) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 13 (Mười ba) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Vũ Xuân L 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 01-02-2021 là 06 (Sáu) ngày, được quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Trung K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 09-02-2021 là 14 (Mười bốn) ngày, được quy đổi thành 42 (Bốn mươi hai) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 10 (Mười) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-01-2021 đến ngày 05-02-2021 là 10 (Mười) ngày, được quy đổi thành 30 (Ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Đình H cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V giám sát và giáo dục; giao các bị cáo Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V giám sát, giáo dục.

- Phạt tiền bị cáo Đỗ Tiến Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Trần Văn H.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 12.050.000 đồng đã thu giữ.

- Truy thu tổng số tiền 8.000.000 đồng của các bị cáo sau để sung ngân sách Nhà nước: Bị cáo Đỗ Trung K là 3.000.000 đồng; bị cáo Đỗ Tiến Đ 3.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn L 2.000.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn H số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu nhựa KT (2x1,8)m.

(Như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12-5-2021 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Vũ Ngọc D, Trần Văn L, Trần Đình H, Vũ Xuân L, Đỗ Trung K, Đỗ Tiến Đ, Trần Văn H mỗi người pH nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo về những nội dung liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 27, PC 81 CA tỉnh NĐ;
- UBND xã T, UBND thị trấn G;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiển